

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ IV /NĂM 2015

(Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015)

Gồm các biểu:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh BCTC

(Mẫu số B 01-DN)
(Mẫu số B 02-DN)
(Mẫu số B 03-DN)
(Mẫu số B 09a-DN)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Báo cáo tài chính quý VI hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		747,864,353,385	198,897,724,734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,271,465,001	12,804,832,968
1. Tiền	111	V.01	1,271,465,001	12,804,832,968
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66,000,000,000	71,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	66,000,000,000	71,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		676,401,333,997	73,306,451,918
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	82,255,254,480	32,107,463,609
2. Trả trước cho người bán	132		384,448,452,277	39,558,998,469
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	209,697,627,240	1,639,989,840
IV. Hàng tồn kho	140		0	25,881,181,649
1. Hàng tồn kho	141	V.05	0	25,881,181,649
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,191,554,387	15,905,258,199
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	135,761,683	135,761,683
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,689,017,762	10,212,617,255
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.07	3,000,000	3,000,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	363,774,942	5,553,879,261
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269,550,398,747	288,057,914,718
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		222,783,605,693	180,599,966,755
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	10,365,737,023	10,612,370,812
- Nguyên giá	222		16,458,286,843	16,458,286,843
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,092,549,820)	(5,845,916,031)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	212,417,868,670	169,987,595,943
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45,885,000,000	107,290,154,909
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	V.14		107,290,154,909
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	45,885,000,000	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		881,793,054	167,793,054
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	731,000,000	35,793,054
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		4,793,054	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	146,000,000	132,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,017,414,752,132	486,955,639,452

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

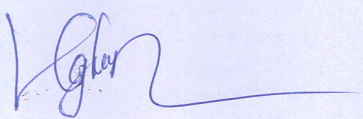
Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính quý VI hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		40,079,042,273	59,798,300,823
I. Nợ ngắn hạn	310		40,079,042,273	59,798,300,823
2. Phải trả người bán	312		34,554,893,233	28,917,898,747
3. Người mua trả tiền trước	313		46,061,426	10,046,052,339
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	3,003,571,102	19,413,755,225
5. Phải trả người lao động	315		95,000,000	0
6. Chi phí phải trả	316		0	176,000,000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	2,318,956,860	1,184,034,860
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		60,559,652	60,559,652
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		977,335,709,859	427,157,338,629
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	972,961,092,319	421,094,370,752
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		934,273,578,000	373,709,418,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		849,189,834	849,189,834
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		283,063,278	283,063,278
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		37,555,261,207	46,252,699,640
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	433		4,374,617,540	6,062,967,877
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,017,414,752,132	486,955,639,452

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TUYẾT

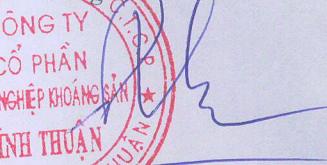
Kế toán trưởng



VŨ THỊ DIỆU



Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ HINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2015	Quý IV/2014	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.14	82,288,701,623	34,612,680,415	103,196,046,237	92,948,781,283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82,288,701,623	34,612,680,415	103,196,046,237	92,948,781,283
4. Giá vốn hàng bán	11	V.15	80,321,169,900	32,819,691,330	100,892,957,910	76,543,618,794
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,967,531,723	1,792,989,085	2,303,088,327	16,405,162,489
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.16	2,611,012,536	2,159,797,187	4,449,748,526	7,261,469,821
7. Chi phí tài chính	22	V.17			0	286,929,149
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		0		0	247,869,149
8. Chi phí bán hàng	24		23,500,618	74,622,182	78,201,436	156,673,409
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		660,636,479	164,880,689	2,036,274,222	6,191,271,306
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,894,407,162	3,713,283,401	4,638,361,195	17,031,758,446
11. Thu nhập khác	31	V.18		0	0	595,778,621
12. Chi phí khác	32	V.19		329,623,172	517,480,263	993,940,381
13. Lợi nhuận khác	40		0	(329,623,172)	(517,480,263)	(398,161,760)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết						8,979,963,346
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,894,407,162	3,383,660,229	4,120,880,932	25,613,560,032
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V.20	778,881,432	773,994,419	302,940,000	3,688,980,438
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,115,525,730	2,609,665,810	3,817,940,932	21,924,579,594
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			45,115,200		45,115,200	17,886,667
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			3,070,410,530	2,609,665,810	3,772,825,732	21,906,692,927
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ TUYẾT

Kế toán trưởng

VŨ THỊ DIỆU



PHẠM THỊ HINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	3,894,407,162	25,613,560,032
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	493,267,578	1,668,588,336
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4,102,271,990)	320,066,878
- Chi phí lãi vay	06	0	395,140,922
3. Lợi nhuận từ hoạt động từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	285,402,750	27,997,356,168
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	24,484,964,427	(53,326,262,702)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	0	4,380,000,000
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(76,596,112,622)	38,380,120,572
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	0	(6,063,009,618)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	0	(395,140,922)
- Tiền lãi vay đã trả	14	0	(11,720,837,300)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		1,512,846,633
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,229,460,417)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13,203,635,058)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(65,029,380,503)	(1,464,387,586)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư (*)			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	0	(1,718,530,050)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22	0	320,000,000
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	(24,000,000,000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	5,000,000,000	21,250,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(1,285,047,067)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	45,885,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,611,012,536	1,845,289,606
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>53,496,012,536</i>	<i>(3,588,287,511)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính (*)			
3. Tiền thu từ đi vay	33	0	428,300,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	0	(14,362,535,759)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>0</i>	<i>(13,934,235,759)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11,533,367,967)	(18,986,910,856)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12,804,832,968	31,791,743,824
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,271,465,001	12,804,832,968

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ TUYẾT

Kế toán trưởng

VŨ THỊ DIỆU

Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ HINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 04 năm 2010. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, kinh doanh kim loại và các quặng kim loại

Trụ sở chính của Công ty: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: 934.273.600.000 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác, kinh doanh kim loại và các quặng kim loại

3. Ngành, nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành nghề
1	- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
2	- Khai thác cát đá, sỏi, đất sét;
3	- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
4	- Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan
5	- Cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng hữu hình;
6	- Gia công cơ khí, xử lý và tráng kim loại;
7	- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
8	- Nhà hàng và các dịch vụ phục vụ ăn uống lưu động;
9	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
10	- Bán buôn thực phẩm
11	- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

4. Thông tin về các công ty con

STT	Tên Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	90%	90%
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp khoáng sản Bình Thuận BTC	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	100%	100%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tại thời điểm 30/6/2015, Công ty đánh giá không có khoản công nợ phải thu nào cần phải trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
Các tài sản khác	03 - 05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	=	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	-	Vốn chủ sở hữu thực có	X	Vốn đầu tư của doanh nghiệp
						Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

Thuế suất thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2015 là 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
01. Tiền		
- Tiền mặt	1,225,771,607	9,733,067,292
- Tiền gửi ngân hàng	45,693,394	3,071,765,676
Cộng	1,271,465,001	12,804,832,968
02. Đầu tư ngắn hạn		
	66,000,000,000	71,000,000,000
Cộng	66,000,000,000	71,000,000,000
03. Phải thu khách hàng		
Cộng	82,255,254,480	32,107,463,609
05. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu		900,000,000
- Hàng hoá		24,981,181,649
Cộng	0	25,881,181,649

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Tại 01/01/2015		7.969.338.946	610.436.755	277.549.607	45.121.050	8.902.446.358	
Tại 31/12/2015		7.969.338.946	610.436.755	277.549.607	45.121.050	8.902.446.358	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại 01/01/2015		3.477.070.725	610.436.755	277.549.607	45.121.050	4.410.178.137	
- Khấu hao trong kỳ		493.267.578	0	0	0	493.267.578	
Tại 31/12/2015		3.970.338.303	610.436.755	277.549.607	45.121.050	4.903.445.715	
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH							
- Tại 01/01/2015		4.492.268.221	0	0	0	4.492.268.221	
- Tại 31/12/2015		3.999.000.643	0	0	0	3.999.000.643	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV kết thúc ngày 31/12/2015

08. Tài sản ngắn hạn khác	<i>Tại 31/12/2015</i>	<i>Tại 01/01/2015</i>
- Tạm ứng	315,568,248	5,501,672,567
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	48,206,694	52,206,694
Cộng	363,774,942	5,553,879,261
09. Phải trả người bán	<i>Tại 31/12/2015</i>	<i>Tại 01/01/2015</i>
Cộng	34,554,893,233	28,917,898,747
12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<i>Tại 31/12/2015</i>	<i>Tại 01/01/2015</i>
Cộng	212,417,868,670	169,987,595,943

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV kết thúc ngày 31/12/2015

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính:	
					Tổng cộng	VND
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	15,525,179,431	610,436,755	277,549,607	45,121,050	16,458,286,843	
Số dư cuối năm	15,525,179,431	610,436,755	277,549,607	45,121,050	16,458,286,843	
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4,912,808,619	610,436,755	277,549,607	45,121,050	5,845,916,031	
- Khấu hao trong năm	246,633,789	0	0	0	246,633,789	
Số dư cuối năm	5,159,442,408	610,436,755	277,549,607	45,121,050	6,092,549,820	
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	10,612,370,812	0	0	0	10,612,370,812	
- Tại ngày cuối năm	10,365,737,023	0	0	0	10,365,737,023	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

	<i>Tại 31/12/2015</i>	<i>Tại 01/01/2015</i>
14. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		
- Công ty CP Đầu tư và phát triển công nghiệp Bảo Thu	0	107,290,154,909
Cộng	0	107,290,154,909
19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế GTGT	0	8,891,064,561
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,003,571,102	9,459,572,248
- Thuế thu nhập cá nhân	0	963,856,382
- Các loại thuế khác	0	99,262,034
Cộng	3,003,571,102	19,413,755,225
20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Bảo hiểm y tế	0	239,380,000
- Bảo hiểm xã hội	55,003,500	55,003,500
- Bảo hiểm thất nghiệp	23,018,000	23,018,000
- Phải trả phải nộp khác	2,240,935,360	866,633,360
Cộng	2,318,956,860	1,184,034,860

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quý IV/2015</i>	<i>Quý IV/2014</i>
23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	82,288,701,623	34,612,680,415
Cộng	82,288,701,623	34,612,680,415
24. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hàng bán hàng hóa và dịch vụ	80,321,169,900	32,819,691,330
Cộng	80,321,169,900	32,819,691,330
25. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	206,869,520	329,797,187
- Doanh thu tài chính khác	0	0
Cộng	206,869,520	329,797,187
26. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	0	147,271,773
Cộng	0	147,271,773

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý IV hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015

27. Thu nhập khác	Quý IV/2015	Quý IV/2014
	0	0
Cộng	0	0
28. Chi phí khác	Quý IV/2015	Quý IV/2014
- Giá trị còn lại của TSCĐ	0	
- Tiền phạt chậm nộp thuế		329,623,172
Cộng	0	329,623,172
29. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Quý IV/2015	Quý IV/2014
- Thuế TNDN phải nộp	356,698,114	371,394,419
Cộng	356,698,114	371,394,419

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Không

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ TUYẾT

Kế toán trưởng

VŨ THỊ DIỆU

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ HINH